

Số: 2363 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
gói thầu mua thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2023
của Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư số 05/2015/TT-BYT ngày 17/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế; Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về quản lý điều hành ngân sách địa phương năm 2023; Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023; Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà thầu mua thuốc trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 312/TTr-SYT ngày 08/11/2023; Báo cáo thẩm định ngày 01/11/2023 của Hội đồng thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua thuốc sử dụng nguồn quỹ bảo hiểm y tế do các cơ sở y tế tự tổ chức lựa chọn nhà thầu (Thành lập theo Quyết định số 891/QĐ-SYT ngày 19/7/2023 của Giám đốc Sở Y tế); Tờ trình số 139/TTr-BVTC ngày 16/10/2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (theo Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu tổ chức thực hiện quy trình mua sắm đảm bảo theo đúng pháp luật quy định hiện hành và các văn bản quy định khác liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu về nội dung thẩm định, trình duyệt. Chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện sai phạm (nếu có) báo cáo UBND tỉnh kịp thời để xem xét, quyết định.

2. Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019, Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các quy định hiện hành về đấu thầu. Chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, số liệu, nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc trình Chủ tịch UBND tỉnh, các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan giám sát việc thi hành pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Y tế, Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX_S.Hùng.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Tráng Thị Xuân



Phụ lục I

PHẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU MUA THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN NĂM 2023

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu

Kèm theo Quyết định số: 2363 /QĐ-UBND ngày 13 / 11 /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu mua thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (gồm 43 mặt hàng, trong đó: Nhóm 1: 03; Nhóm 2: 01; Nhóm 3: 39).	2.333.533.000 đồng <i>(Hai tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).</i>	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Trong quý IV năm 2023	Hợp đồng trọn gói	12 tháng, kể từ ngày Ký hợp đồng



Phụ lục II

DANH MỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU MUA THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN NĂM 2023

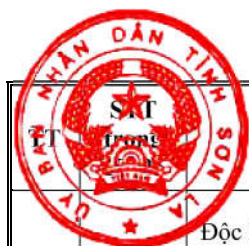
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu

(Theo Quyết định số: 2363 /QĐ-UBND ngày 13 / 11 /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)


TT	STT trong TT 05	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
1	1	Gừng	N3	Uống	Bột/Cốm/ Hạt pha uống	Gói/ Chai/ Lọ/ Túi	500	36.750	18.375.000
2	2	Hoắc hương/ Quảng hoắc hương, Tía tô/ Tử tô diệp, Bạch chi, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương).	N3	Uống	Viên	Viên	20.000	1.450	29.000.000
3	6	Xuyên khung, Khương hoạt, bạch chi, Hoàng cầm, Phòng phong, Sinh địa, Thương truật, Cam thảo, Tế tân.	N3	Uống	Viên nang	Viên	6.000	980	5.880.000
4	7	Actiso	N1	Uống	Viên	Viên	100.000	600	60.000.000
5	8	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bim bim/Bim bim biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).	N1	Uống	Viên	Viên	20.000	650	13.000.000
6	8	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bim bim/Bim bim biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).	N1	Uống	Viên nang	Viên	20.000	1.800	36.000.000
7	8	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bim bim/Bim bim biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).	N3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	525	26.250.000
8	9	Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính.	N3	Uống	Viên nang	Viên	10.000	2.499	24.990.000
9	14	Bạch thực, Bạch truật, Cam thảo, Diệp hạ châu, Đương quy, Đảng sâm, Nhân trần, Phục linh, Trần bì.	N3	Uống	Viên	Viên	25.000	2.835	70.875.000




		Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
10		Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thược, Đan sâm, Bán lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chỉ thực, Mạch nha, Nghệ.	N3	Uống	Dung dịch/ Hỗn dịch/ Nhũ dịch uống	Chai/ Lọ/ Túi/ Ống	10.000	4.000	40.000.000
11	17	Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thược, Đan sâm, Bán lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chỉ thực, Mạch nha, Nghệ.	N3	Uống	Viên nang	Viên	20.000	2.200	44.000.000
12	23	Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần.	N3	Uống	Viên nang	Viên	10.000	1.344	13.440.000
13	28	Diệp hạ châu/Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, cỏ mực	N2	Uống	Viên nang	Viên	10.000	1.899	18.990.000
14	30	Kim ngân, Hoàng cầm, Liên kiều, Thăng ma.	N3	Uống	Viên nang	Viên	10.000	2.184	21.840.000
15	36	Kim tiền thảo, Chỉ thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng.	N3	Uống	Viên	Viên	20.000	690	13.800.000
16	37	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô.	N3	Uống	Viên	Viên	50.000	231	11.550.000
17	37	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô.	N3	Uống	Viên nang	Viên	10.000	1.450	14.500.000
18	53	Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ, Cao toàn phần không xà phòng hóa dầu đậu nành.	N3	Uống	Viên nang	Viên	10.000	12.000	120.000.000
19	56	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bồ cốt chi.	N3	Uống	Viên nang	Viên	125.000	2.050	256.250.000
20	57	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tàn giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thục địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Dương quy, Xuyên khung.	N3	Uống	Viên	Viên	100.000	680	68.000.000



		Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
21	58	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân (Dây đau xương), Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm).	N3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/ Chai/ Lọ/ Túi	20.000	3.000	60.000.000
22	65	Hy thiêm, Thiên niên kiện	N3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/ Chai/ Lọ/ Túi	100.000	2.300	230.000.000
23	70	Mã tiền chế, Đương quy, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh.	N3	Uống	Viên nang	Viên	10.000	1.400	14.000.000
24	72	Mã tiền chế, Thương truật, Hương phụ tứ chế, Mộc hương, Địa liên, Quế chi.	N3	Uống	Viên nang	Viên	20.000	1.710	34.200.000
25	76	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, (Mã tiền).	N3	Uống	Viên nang	Viên	20.000	2.835	56.700.000
26	80	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng Đăng, Hoài sơn/Sơn Dược, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thược, Cam thảo, Đảng sâm.	N3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/ Chai/ Lọ/ Túi	4.000	3.650	14.600.000
27	81	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu.	N3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/ Chai/ Lọ/ Túi	4.000	3.500	14.000.000
28	82	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).	N3	Uống	Dung dịch/ Hỗn dịch/ Nhũ dịch uống	Chai/ Lọ/ Túi/ Ống	10.000	4.368	43.680.000
29	92	Hoàng liên, Vân Mộc hương, Đại hồi, Sa nhân, Quế nhục, Đinh hương.	N3	Uống	Viên nang	Viên	7.000	1.722	12.054.000



TT		Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
30	112	Sa quân tử, Bình lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hồ hoàng liên, Mộc hương.	N3	Uống	Dung dịch/ Hỗn dịch/ Nhũ dịch uống	Chai/ Lọ/ Túi/ Ống	20.000	5.425	108.500.000
31	127	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương).	N3	Uống	Viên	Viên	100.000	174	17.400.000
32	127	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương).	N3	Uống	Dung dịch/ Hỗn dịch/ Nhũ dịch uống	Chai/ Lọ/ Túi/ Ống	1.500	69.000	103.500.000
33	127	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương).	N3	Uống	Viên nang	Viên	20.000	2.916	58.320.000
34	129	Đương quy, Bạch quả.	N3	Uống	Viên nang	Viên	200.000	1.400	280.000.000
35	135	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).	N3	Uống	Viên nang	Viên	15.000	1.100	16.500.000
36	140	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô.	N3	Uống	Viên nang	Viên	10.000	2.500	25.000.000
37	148	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bạc hà/Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối/Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà/menthol, (Bàng sa).	N3	Uống	Dung dịch/ Hỗn dịch/ Nhũ dịch uống	Chai/ Lọ/ Túi/ Ống	5.000	2.260	11.300.000
38	156	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thực, Mẫu đơn bì, Cam thảo.	N3	Uống	Dung dịch/ Hỗn dịch/ Nhũ dịch uống	Chai/ Lọ/ Túi/ Ống	3.000	31.983	95.949.000
39	161	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thực.	N3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/ Chai/ Lọ/ Túi	10.000	2.500	25.000.000



		Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
40		Hà thủ ô đở/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	N3	Uống	Dung dịch/ Hỗn dịch/ Nhũ dịch uống	Chai/ Lọ/ Túi/ Ống	1.500	39.400	59.100.000
41	207	Ngũ sắc, (Tân di hoa, Thương Nhĩ Tử).	N3	Dùng ngoài	Thuốc xịt mũi	Lọ	1.000	38.000	38.000.000
42	211	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Bạch phục linh/Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa	N3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/ Chai/ Lọ/ Túi	10.000	3.402	34.020.000
43	213	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà, (Kim ngân hoa).	N3	Uống	Viên nang	Viên	30.000	2.499	74.970.000
Tổng cộng: 43 mặt hàng									2.333.533.000
<i>(Số tiền bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).</i>									